

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH ĐẦU TƯ KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI  
- ESFIC**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH ĐẦU TƯ KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI - ESFIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INVESTMENT FINANCE SCIENCE EDUCATION AND SOCIAL – ESFIC CORPORATION

Tên công ty viết tắt: ESFIC.,CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110075985

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 46 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904105566

Fax:

Email: [esfic.jsc@gmail.com](mailto:esfic.jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. | 4659     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)                                                              | 8299     |
| 6.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8521     |
| 7.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8522     |
| 8.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8523     |
| 9.  | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8541     |
| 10. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8542     |
| 11. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8543     |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8551     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                     | 8552        |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>(trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ.                                                | 6499        |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, chỉ hoạt động khi có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền) | 6619        |
| 17. | Hoạt động quản lý quỹ<br>Chi tiết: Quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)                                | 6630(Chính) |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.                                                                                                                                     | 6810        |
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn pháp lý)                                                                                                                               | 6820        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                        | 7020        |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống.                                                                                                                                                              | 5610        |
| 22. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                        | 5621        |
| 23. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                            | 5629        |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Các dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)                                                                                                                                         | 5630        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐỖ QUANG<br>MINH | Tổ 33C, Phường<br>Tiên Cát, Thành<br>phố Việt Trì, Tỉnh<br>Phú Thọ, Việt<br>Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.700.0<br>00 | 17.000.000.000           | 17,000       | 0010680221<br>84                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số                            | 1.700.0<br>00 | 17.000.000.000           | 17,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ MINH<br>TUÂN  | Số 11 phố Trần<br>Phú, Phường Điện<br>Biên, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.600.0<br>00 | 16.000.000.000           | 16,000       | C2353093                                                                                                               |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số                            | 1.600.0<br>00 | 16.000.000.000           | 16,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                          |                                                                                                                                   |                                    |               |                |        |          |
|---|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|----------|
| 3 | NGUYỄN<br>MẠNH HÙNG      | Thôn Nguyễn, Xã<br>Cửu Cao, Huyện<br>Văn Giang, Tỉnh<br>Hưng Yên, Việt<br>Nam                                                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.500.0<br>00 | 25.000.000.000 | 25,000 | C3887528 |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 2.500.0<br>00 | 25.000.000.000 | 25,000 |          |
|   |                          |                                                                                                                                   |                                    |               |                |        |          |
| 4 | ĐỖ QUANG                 | P2130, R2B,<br>KĐT Royal City,<br>72A Nguyễn Trãi,<br>Phường Thượng<br>Đình, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.600.0<br>00 | 16.000.000.000 | 16,000 | C4033891 |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 1.600.0<br>00 | 16.000.000.000 | 16,000 |          |
|   |                          |                                                                                                                                   |                                    |               |                |        |          |
| 5 | NGUYỄN<br>TRỌNG<br>NGHĨA | E11 tập thể Tàu<br>Biển, Phường Ô<br>Chợ Dừa, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                                   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.600.0<br>00 | 26.000.000.000 | 26,000 | C9421407 |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |          |
|   |                          |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 2.600.0<br>00 | 26.000.000.000 | 26,000 |          |
|   |                          |                                                                                                                                   |                                    |               |                |        |          |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C4033891

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: P2130, R2B, KĐT Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P2130, R2B, KĐT Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C9421407

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *El1 tập thể Tàu Biển, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ell tập thể Tàu Biển, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội